

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2009/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 31 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành giá các loại đất và phân loại đường phố
thị xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về Phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về Phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về Phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 của HĐND tỉnh Quảng Trị khoá V kỳ họp thứ 19 Thông qua Phương án giá các loại đất và phân loại đường phố thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh năm 2010;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá các loại đất và phân loại đường phố thành phố, thị xã, thị trấn áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2010 như các phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Phạm vi áp dụng:

a) Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hoá, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

đ) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích Quốc phòng, an ninh, lợi ích Quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

g) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá do UBND tỉnh quy định.

Trong trường hợp các đối tượng bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất mà không còn chỗ ở, thuộc diện bố trí tái định cư thì giá đất tại nơi tái định cư do UBND tỉnh quyết định cho từng dự án.

Trường hợp giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường biến động giảm từ 10% trở lên và tăng từ 20% trở lên, kéo dài trên 60 ngày; hoặc có thay đổi do quy hoạch; đầu tư nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng làm thay đổi loại đất, loại đường đã phân loại, giao Sở Tài nguyên & Môi trường chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương liên quan xây dựng phương án báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh phù hợp.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn việc thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2010 và thay thế Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- TVTU, TT.HĐND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL- Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP, CV;
- Lưu: VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Đức Cường

PHỤ LỤC
GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT VÀ PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ
THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2010
(Kèm theo Quyết định số 39/2009/NQ-HĐND
ngày 31 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Phụ lục số 1
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Bảng 1: Đất trồng cây hàng năm*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 2	12.000	9.100	6.100
Hạng 3	9.800	7.425	4.770
Hạng 4	7.600	5.750	3.450
Hạng 5	5.400	4.075	2.125
Hạng 6	3.200	2.400	800

Bảng 2: Đất trồng cây lâu năm*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 1	21.000	-	-
Hạng 2	16.750	11.645	8.330
Hạng 3	12.750	10.030	6.749
Hạng 4	8.250	5.748	3.009
Hạng 5	4.000	2.800	1.020

Bảng 3: Đất rừng sản xuất*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 1	2.800	-	-
Hạng 2	2.100	1.990	1.000
Hạng 3	1.800	1.704	815
Hạng 4	1.500	1.065	610
Hạng 5	1.200	640	400

Bảng 4: Đất nuôi trồng Thủy sản

Đơn vị tính: Đồng/m²

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 1	13.875		
Hạng 2	11.280	6.757	4.505
Hạng 3	9.200	5.440	3.655
Hạng 4	7.145	4.080	2.720
Hạng 5	5.075	2.550	1.785
Hạng 6	2.400	1.600	493

Bảng 5: Đất làm muối

Đơn vị tính: Đồng/m²

Hạng đất	Đơn giá
Vị trí 1	3.800
Vị trí 2	3.000
Vị trí 3	2.000
Vị trí 4	1.200

Bảng 6: Đất ở tại nông thôn
6.1. Xã đồng bằng

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	300.000	150.000	50.000
2	200.000	80.000	30.000
3	100.000	50.000	15.000

4	50.000	30.000	8.000
---	--------	--------	-------

6.2. Đất ở các xã đồng bằng tại các vị trí ven tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 9, các trục đường giao thông chính, khu vực chợ trung tâm xã có vị trí sinh lợi cao

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	600.000	400.000	80.000
2	400.000	150.000	50.000
3	150.000	50.000	30.000
4	50.000	30.000	10.000

Giao UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào thực tế để quy định khu vực, xác định vị trí đất tại bảng giá này cho phù hợp.

6.3. Xã trung du:

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	150.000	65.000	25.000
2	80.000	38.000	16.000
3	50.000	25.000	10.000
4	25.000	16.000	3.600

6.4. Xã miền núi:

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	100.000	30.000	8.000
2	50.000	15.000	6.000
3	25.000	8.000	4.000
4	12.000	4.000	2.000

Bảng 7: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn

7.1. Xã đồng bằng

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	250.000	120.000	50.000
2	170.000	80.000	30.000
3	85.000	50.000	15.000
4	50.000	30.000	8.000

7.2. Xã trung du

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	130.000	65.000	25.000
2	70.000	38.000	16.000
3	45.000	25.000	10.000
4	25.000	16.000	3.600

7.3. Xã miền núi:

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	90.000	30.000	8.000
2	45.000	15.000	6.000
3	20.000	8.000	4.000
4	12.000	4.000	2.000

Bảng 8. Đất ở tại đô thị

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

8.1. Áp dụng cho thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị

Loại đường phố	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1a	6.800	1.440	900	540

1b	5.600	1.260	720	450
1c	4.520	1.080	630	360
2a	3.600	810	540	306
2b	3.120	720	504	270
2c	2.640	630	468	234
2d	2.240	540	432	198
3a	1.360	450	360	180
3b	1.240	414	306	162
3c	1.120	378	252	144
3d	1.040	342	198	126
3e	880	306	162	108
4a	792	270	144	90
4b	680	234	126	72
4c	560	198	108	54
4d	448	162	90	50
4e	336	126	72	45
4f	224	90	54	40

8.2. Đất ở các thị trấn

Đường phố loại	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1a	1.600	384	270	144
1b	1.440	336	249	120
1c	1.200	288	231	105
1d	960	240	192	96
2a	664	219	162	87
2b	600	201	135	78
2c	536	180	105	69
2d	480	162	87	60
3a	424	144	78	51
3b	360	120	66	42
3c	300	105	57	36

3d	240	87	48	33
3e	180	66	39	30
4a	120	48	35	28
4b	88	39	30	26
4c	68	30	26	24

(Thị trấn Cửa Việt chưa áp dụng bảng giá đất thị trấn mà áp dụng giá đất nông thôn theo loại đất)

Bảng 9: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị

9.1. Áp dụng cho thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị (Trừ đất tại các Khu: Du lịch, Công nghiệp và Thương mại): Bằng 70% giá đất ở tại các vị trí tương ứng.

9.2. Áp dụng cho các thị trấn (Trừ đất tại các Khu: Du lịch, Công nghiệp và Thương mại): Bằng 52% giá đất ở tại các vị trí tương ứng.

Bảng 10: Đất Khu Du lịch, Khu Công nghiệp, Khu Thương mại

10.1 Đất ở

Đơn vị tính: 1.000 đ/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	540	360	150
2	360	240	90
3	240	150	45
4	150	90	24

10.2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp
đ/m²

Đơn vị tính: 1.000

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	360	180	75
2	180	120	45
3	120	75	23
4	75	45	6

- **Bảng 10:** Áp dụng cho đất thuộc khu quy hoạch đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các trục đường giao thông chính của Khu: Thương mại, Du lịch, Công nghiệp. Các vùng đất khác thuộc Khu Thương mại, Khu Du lịch thuộc đô

thị thì áp dụng theo giá đất đô thị. Các vùng đất còn lại thì áp dụng bảng giá đất nông thôn;

- Đối với các dự án đầu tư tại Khu Thương mại Lao Bảo, Khu Du lịch thương mại, Khu Công nghiệp được áp dụng theo chính sách khuyến khích đầu tư riêng (Nếu có).

11. Giá đất đặc thù

11.1. Đất nông nghiệp nằm xen kẽ trong đô thị không được quy hoạch là đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác.

- Đối với đô thị loại III, IV: 40.000 đồng/m²

- Đối với đô thị loại V: 24.000 đồng/m²

11.2. Đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở.

- Khu vực 1:

+ Xã đồng bằng: 31.500 đồng/m²

+ Xã trung du: 17.500 đồng/m²

+ Xã miền núi: 10.000 đồng/m²

- Khu vực 2:

+ Xã đồng bằng: 25.000 đồng/m²

+ Xã trung du: 15.000 đồng/m²

+ Xã miền núi: 4.000 đồng/m²

- Khu vực 3:

+ Xã đồng bằng: 8.000 đồng/m²

+ Xã trung du: 3.600 đồng/m²

+ Xã miền núi: 2.000 đồng/m²

Trường hợp bồi thường thiệt hại về đất theo giá đất đặc thù mục 11.1 và 11.2 trên đây kèm theo các điều kiện sau:

+ Hạn mức áp giá: Chỉ tính trong phạm vi thửa đất nhưng không quá năm lần hạn mức giao đất ở do UBND tỉnh quy định;

+ Thửa đất được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận sử dụng ổn định không có tranh chấp.

11.3. Trường hợp thửa đất ở có vị trí thấp hơn mặt đường (Xác lập vị trí đất) từ 1,5 m trở lên thì tính giảm giá 20% nhưng tối đa không quá 50.000 đ/m².

- Trường hợp thửa đất ở có vị trí cao hơn mặt đường (Xác lập vị trí đất) từ 1,5 m trở lên thì tính giảm giá 10% nhưng tối đa không quá 50.000 đ/m².

11.4. Các thửa đất ở vị trí góc của các tuyến đường có tên giao nhau thì tính tăng giá 10% theo mức giá của đường xếp loại cao hơn.

11.5. Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Áp dụng theo giá đất rừng sản xuất (Bảng 3).

11.6. Đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp: Trụ sở cơ quan và công trình sự nghiệp được xây dựng tại vị trí, khu vực nào thì giá đất được xác định theo giá đất ở tại vị trí, khu vực đó.

11.7. Đất ở của đô thị thuộc các khu vực giáp ranh với nông thôn mà người sử dụng đất chuyên sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thì áp dụng giá đất theo bảng 6: Đất ở tại nông thôn. Căn cứ tình hình thực tế, UBND huyện, thị xã quy định cụ thể các khu vực này trên địa bàn mỗi huyện, thị xã để áp dụng mức giá cho phù hợp.

12. Nguyên tắc phân vị trí đất tại các thị xã và thị trấn:

1. Đất đô thị được xác định theo loại đường phố và vị trí, bao gồm có 4 vị trí. Nguyên tắc phân vị trí đất đảm bảo thửa đất có xác định vị trí đất phải có ít nhất một mặt giáp với đường, ngõ hoặc hẻm. Vị trí 1 áp dụng với đất mặt tiền (Liên cạnh đường phố) có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất, các vị trí 2, 3 và 4 áp dụng đối với đất có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn, cụ thể:

a) Vị trí 1: Áp dụng đối với thửa đất mặt tiền đường phố tính từ lộ giới (Ranh giới của thửa đất) vào sâu đến 20m;

b) Vị trí 2: Áp dụng đối với thửa đất trong các đường, ngõ hoặc hẻm giao nhau với đường phố đã được xếp loại và có khoảng cách đến mép đường phố đã được xếp loại trong khoảng từ trên 20m đến 40m. Trường hợp thửa đất nằm trong khoảng từ mép đường phố chính (Ranh giới của thửa đất) vào sâu 20m mà có mặt tiền tiếp giáp với đường ngõ, hẻm thì 20m đầu tiên xếp vào vị trí 2 của đường phố chính;

c) Vị trí 3: Áp dụng đối với thửa đất trong các đường, ngõ hoặc hẻm giao nhau với đường phố đã được xếp loại và có khoảng cách đến mép đường phố đã được xếp loại trong khoảng từ trên 40m đến 60m;

d) Vị trí 4: Áp dụng đối với các thửa đất còn lại.

2. Trường hợp thửa đất có địa điểm tương ứng với các vị trí khác nhau (Các đường phố đã được xếp loại giao nhau hoặc đường phố đã được xếp loại giao nhau với đường chưa được xếp loại) thì áp dụng theo vị trí đất có mức giá cao hơn.

3. Đối với thửa đất (Tùy theo vị trí cụ thể) mà có chiều sâu từ trên 20m trở lên (Liên thửa) thì áp dụng nguyên tắc xác định giá như sau:

a) 20 m đầu tiên (Mặt tiền): Tính bằng giá đất vị trí 1;

- b) Từ trên 20 đến 40m: Tính bằng giá đất vị trí 2;
- c) Từ trên 40m đến 60m: Tính bằng giá đất vị trí 3;
- d) Từ trên 60m trở đi: Tính bằng giá đất vị trí 4.



PHỤ LỤC SỐ 2

PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

I. ĐƯỜNG LOẠI 1A

1. Lê Duẩn: Đoạn từ Nam Cầu Đông Hà đến tim Cầu Vượt
2. Hùng Vương: Đoạn từ Bưu điện Đông Hà đến Bắc đường Ngô Quyền
3. Quốc lộ 9: Đoạn từ Sở Công An tỉnh đến đường Hàm Nghi
4. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Bưu điện Đông Hà

II. ĐƯỜNG LOẠI 1B

1. Quốc Lộ 9: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến ngã 3 Nguyễn Du
2. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ Bưu điện Đông Hà đến đường Hiền Lương
3. Lê Duẩn: Đoạn từ tim Cầu Vượt đến cổng Vân An
4. Phan Châu Trinh: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến chợ Đông Hà

III. ĐƯỜNG LOẠI 1C

1. Hùng Vương: Đoạn từ Nam đường Ngô Quyền đến Bắc cầu Đại An
2. Lê Quý Đôn: Từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Hưng Đạo
3. Phan Bội Châu: Từ đường Trần Hưng Đạo đến chợ Đông Hà

IV. ĐƯỜNG LOẠI 2A

1. Lê Lợi: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Lê Thánh Tông
2. Huyền Trân Công Chúa: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Quý Đôn

V. ĐƯỜNG LOẠI 2B

1. Hùng Vương: Đoạn từ Nam cầu Đại An đến đường Lý Thường Kiệt
2. Quốc lộ 9: Đoạn từ ngã ba Nguyễn Du đến đường Trần Hưng Đạo
3. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Hiền Lương đến đường Trần Nhật Duật
4. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hiền Lương
5. Lê Văn Hưu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường sắt phía dưới Cầu Vượt
6. Nguyễn Công Trứ: Cả đường (Quốc lộ 9 đến đường Tôn Thất Thuyết)
7. Nguyễn Khuyến: Cả đường (Từ Quốc lộ 9 đến Quốc lộ 9)
8. Lê Hồng Phong: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Ngô Quyền
9. Quốc lộ 1: Đoạn từ Bắc cầu Đông Hà đến đường Đoàn Bá Thừa
10. Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Bình Khiêm

11. Hàm Nghi: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến cổng Đại An

12. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Hùng Vương

VI. ĐƯỜNG LOẠI 2C

1. Hàm Nghi: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Nguyễn Trãi

2. Tạ Quang Bửu: Cả đường

3. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến đường Nguyễn Trãi

4. Quốc lộ 1: Đoạn từ đường Đoàn Bá Thừa đến đường Phạm Ngũ Lão

5. Ngô Quyền: Từ đường Lê Lợi đến đường Hàm Nghi

6. Đặng Tất: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Huệ

7. Nguyễn Bình Khiêm: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Huệ

8. Văn Cao: Đoạn từ đường Hùng Vương đến Thư viện tỉnh

9. Lê Duẩn: Đoạn từ cổng Vân An đến Bắc cầu Trung Chỉ

10. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Hàm Nghi

11. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ đường Phan Bội Châu đến Cổng thoát nước

12. Lê Lợi: Đoạn từ đường Lê Thánh Tông đến đường Lý Thường Kiệt

13. Hiền Lương: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hai Bà Trưng

VII. ĐƯỜNG LOẠI 2D

1. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Trần Nhật Duật đến đường Khóa Bảo

2. Tôn Thất Thuyết: Từ đường Nguyễn Du đến đường Trần Phú

3. Nguyễn Du: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Chu Mạnh Trinh

4. Hùng Vương: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường 9D

5. Nguyễn Trãi: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Bình Khiêm

6. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Bình Khiêm

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 3A:

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường Khóa Bảo đến đường vào Trường Cao đẳng sư phạm

2. Lê Thánh Tông: Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Lợi

3. Hàm Nghi: Cổng Đại An đến đường Lý Thường Kiệt

4. Lê Thế Hiếu: Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Trương Hán Siêu

5. Lưu Hữu Phước: Từ Thư viện tỉnh đến đường Trần Phú

6. Thái Phiên: Từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú

7. Đặng Dung: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Mạc Đĩnh Chi
8. Đào Duy Từ: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Hàm Nghi
9. Đường vào Trạm xá Công An: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Lê Thế Hiếu
10. Lương Khánh Thiện: Cả đường (Từ Quốc lộ 9 đến Quốc lộ 9)
11. Chu Mạnh Trinh: Từ đường Nguyễn Du đến đường Quốc lộ 9
12. Nguyễn Du: Đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Lý Thường Kiệt
13. Trần Phú: Đoạn từ đường Lê Thánh Tông đến cầu Vượt đường sắt
14. Lê Chương: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Quý Đôn
15. Lê Duẩn: Đoạn từ Nam cầu Trung Chỉ đến Bắc cầu Lai Phước
16. Hoàng Diệu: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Phạm Ngũ Lão
17. Nguyễn Chí Thanh: Từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Lý Thường Kiệt
18. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến đường Nguyễn Du
19. Trần Phú: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Thái Phiên
20. Đường 9D: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Hùng Vương
21. Bùi Thị Xuân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Hải đội 2
22. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lưu Hữu Phước

IX. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Trần Hữu Dực: Từ đường Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Trãi
2. Trường Chinh: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến đường Hùng Vương
3. Đoàn Khuê: Đoạn từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Trần Đại Nghĩa
4. Trần Đại Nghĩa: Từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Lê Thánh Tông
5. Trần Nhật Duật: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Bà Triệu
6. Phan Văn Trị: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Lê Thế Hiếu
7. Hải Thượng Lãn Ông: Từ phía Tây Hùng Vương đến Tôn Thất Thuyết
8. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lưu Hữu Phước
9. Hải Thượng Lãn Ông: Từ Hùng Vương đến đường Tôn Thất Thuyết
10. Lê Hồng Phong: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến đường Ngô Quyền
11. Lê Hồng Phong: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tôn Thất Thuyết

X. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Quốc lộ 1: Đoạn từ đường Phạm Ngũ Lão đến Nam cầu Sòng
2. Đình Công Tráng: Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến Huyện Trần Công Chúa
3. Ông Ích Khiêm: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Hải Triều
4. Hải Triều: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Ông Ích Khiêm
5. Đường hai bên cầu Vượt: Đoạn từ đường Trần Phú đến cổng Công An tỉnh
6. Phan Chu Trinh: Đoạn từ Lê Quý Đôn đến Đình Công Tráng
7. Nguyễn Thái Học: Từ đường Nguyễn Huệ đến đường phía sau Cục Hải quan
8. Hàn Thuyên: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2
9. Ngô Sĩ Liên: Đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến đường Đặng Dung
10. Đường 9D: Đoạn từ Hùng Vương đến đường vào nghĩa địa Đông Lương
11. Chế Lan Viên: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phan Đình Phùng

XI. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Mạc Đĩnh Chi: Đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến đường Đặng Dung
2. Đoạn đường: Đoạn từ Trường Lái xe đến ranh giới phường Đông Lễ
3. Khóa Bảo: Ngã 3 Quốc lộ 9 và Trần Hưng Đạo đến Khe Lược
4. Thành Cổ: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến cầu Khe Lược
5. Huỳnh Thúc Kháng: Từ Hùng Vương đến hết đường khu vực Bộ đội biên phòng

6. Đường Hùng Vương: Đoạn từ đường 9D đến Lai Phước

7. Lê Thế Tiết: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Bà Huyện Thanh Quan

XII. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Phạm Ngũ Lão: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hoàng Diệu
2. Đặng Dung: Đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường Bùi Thị Xuân
3. Đình Tiên Hoàng: Đoạn từ cổng thoát nước đến đường Bùi Dục Tài
4. Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Hàm Nghi
5. Đường 9D: Đoạn còn lại
6. Nguyễn Tri Phương: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Lợi
7. Phạm Đình Hổ: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Lợi
8. Hồ Xuân Lưu: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Hàm Ninh

9. Nguyễn Hàm Ninh: Đoạn từ đường Ngô Quyền đến Quốc Lộ 9
10. Huỳnh Thúc Kháng: Từ hết Bộ đội Biên phòng đến Lê Lợi
11. Bà Triệu: Đoạn từ Chợ Đông Hà đến cầu Thanh niên
12. Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hai Bà Trưng
13. Nguyễn Viết Xuân: Cả đường
14. Lê Phụng Hiểu: Cả đường
15. Đặng Thai Mai: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Nguyễn Thái Học

XIII. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường vào trường Cao đẳng sư phạm đến đường vào X334
2. Nguyễn Đình Chiểu: Đoạn từ trường Cao đẳng sư phạm đến Quốc lộ 9
3. Nguyễn Hoàng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2
4. Thành Cổ: Đoạn từ cầu Khe Lược đến đường Bà Triệu
5. Bà Triệu: Đoạn từ cầu Thanh niên đến cầu Đường sắt
6. Lương Ngọc Quyến: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến Trạm lưới Điện lực
7. Võ Thị Sáu: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Trương Hán Siêu
8. Trương Định: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến Nguyễn Bình Khiêm
9. Nguyễn Du: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Trạm bơm 2
10. Bến Hải: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Trần Đại Nghĩa
11. Dương Văn An: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Trần Đại Nghĩa
12. Đoàn Khuê: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Trần Phú
13. Nguyễn Trung Trực: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hồ Khe Mây

XIV. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Yết Kiêu: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Trãi nối dài
2. Đường Thanh niên: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường về công Vĩnh Ninh
3. Hoàng Diệu: Đoạn từ đường Phạm Ngũ Lão đến đường sắt
4. Cao Thắng: Đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Nguyễn Du
5. Hiền Lương: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến Đình Tiên Hoàng
6. Đoạn đường phía trước trụ sở UBND phường Đông Giang: Từ đường Trần Nguyên Hãn đến hết đường
7. Trần Bình Trọng: Đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến đường Nguyễn Du (Trạm bơm 2)

8. Quốc lộ 1 cũ: Đoạn từ đường Đoàn Bá Thừa đến đường Hoàng Diệu
9. Chu Văn An: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Đào Duy Anh
10. Lương Đình Của: Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng (Quy hoạch) đến giáp đường khu vực
11. Mai Hắc Đế: Đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến Lê Thánh Tông nối dài
12. Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Bà Triệu
13. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Hiền Lương đến đường Bùi Dục Tài
14. Phạm Hồng Thái: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Kênh thủy lợi N2
15. Nguyễn Thượng Hiền: Đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến đường Đặng Dung
16. Phùng Hưng: Đoạn từ đường Bà Triệu đến Đình Tiên Hoàng

XV. ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Bà Triệu: Đoạn từ Cầu đường sắt đến đường vào 968
2. Cồn Cỏ: Đoạn từ đường Đặng Dung đến kênh thủy lợi
3. Đường vào 968: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Bà Triệu
4. Đình Tiên Hoàng: Đoạn từ đường Bùi Dục Tài đến Trần Nhật Duật
5. Lê Trực: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hoàng Diệu
6. Đường phía sau trụ sở Hải Quan tỉnh: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Huệ

XVI. ĐƯỜNG LOẠI 4D

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường vào X334 đến cầu Bà Hai
2. Nguyễn Thiện Thuật: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2
3. Trần Nguyên Hãn: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến hết nhà ông An khu phố 2
4. Mạc Đĩnh Chi: Từ Đặng Dung đến hết đường
5. Đường Thanh niên: Từ cổng Vĩnh Ninh đến Trạm Y tế phường Đông Giang
6. Đoàn Thị Điểm: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2
7. Lê Lai: Đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến Quốc lộ 9
8. Trần Quốc Toản: Đoạn từ đường Nguyễn Gia Thiều đến Trần Hưng Đạo
9. Trương Hán Siêu: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng
10. Đường vào Tỉnh ủy: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến Lưu Hữu Phước

XVII. ĐƯỜNG LOẠI 4E

1. Nguyễn Thượng Hiền: Đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến kênh thủy lợi N22
2. Đường Nguyễn Hoàng: Đoạn từ kênh Ái Tử đến sông Thạch Hãn
3. Bà Huyện Thanh Quan: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến Nguyễn Biểu
4. Đoàn Bá Thừa: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hoàng Diệu
5. Lê Văn Hưu: Đoạn từ Đường sắt phía dưới cầu Vượt đến ga Đông Hà
6. Đường Thanh niên: từ trạm y tế phường Đông Giang đến cầu Ông Niệm
7. Trần Phú: Đoạn từ đường Thái Phiên đến đường Trần Hưng Đạo
8. Nguyễn Gia Thiều: Đoạn từ đường Đặng Thai Mai đến Trần Quốc Toản
9. Trương Hán Siêu: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Trãi
10. Nguyễn Biểu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2
11. Phan Huy Chú: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Bùi Thị Xuân
12. Kim Đồng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Bùi Thị Xuân

XVIII. ĐƯỜNG LOẠI 4F

1. Trần Nguyên Hãn: Đoạn từ nhà ông An khu phố 2 đến đập Đại Độ
2. Nguyễn Thiện Thuật: Đoạn từ kênh N2 đến đường Thạch Hãn
3. Còn Cỏ: Đoạn từ kênh N2 đến đường Thạch Hãn
4. Đường Phạm Hồng Thái: Đoạn từ kênh N2 đến sông Thạch Hãn

XIX. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG CHO CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI NHƯ SAU

1. Các tuyến đường chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường đã được nhựa, bê tông, đường đất thì phân loại như sau:

* Đối với phường 1, phường 5, Khu Đô thị phường 5 Đông Lễ, Khu Đô thị Nam Đông Hà (Giai đoạn 1):

TT	Mặt cắt	Đường nhựa	Bê tông	Đường đất
1	Có mặt cắt bằng và lớn hơn 26m	3C	-	-
2	Có mặt cắt bằng 20 m đến dưới 26 m	3D	-	-
3	Có mặt cắt lớn hơn 13 m đến dưới 20 m	3E	4A	4B
4	Có mặt cắt lớn hơn 9 m đến bằng 13 m	4A	4B	4D

5	Có mặt cắt lớn hơn 6 m đến bằng 9 m	4B	4C	4E
6	Có mặt cắt lớn hơn 3 m đến bằng 6 m	4D	4E	4F
5	Có mặt cắt dưới đến bằng 3 m	4E	4F	Vị trí 2- 4F

* Đối với các phường còn lại giảm 20% giá của từng loại đường, mặt cắt theo bảng trên.

2. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

3. Những đường chưa đủ tiêu chuẩn xếp loại, chưa được xếp loại theo phụ lục này thì xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.



PHỤ LỤC SỐ 3

PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

I. ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Trần Quốc Toàn
2. Lê Duẩn: Đoạn từ giáp xã Hải Phú đến Nam cầu Thạch Hãn

II. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Trần Hưng Đạo:
 - Đoạn từ đường Trần Quốc Toàn đến Bắc công Thái Văn Toàn;
 - Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Đoàn Thị Điểm.

III. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Trần Hưng Đạo:
 - Đoạn từ đường Đoàn Thị Điểm đến giáp xã Triệu Thành;
 - Đoạn từ công Thái Văn Toàn đến đường Lê Duẩn.
2. Quang Trung: Đoạn từ đường Ngô Quyền đến hàng rào phía Đông Chi nhánh điện Thành Cổ
3. Ngô Quyền: Đoạn từ phố Hữu Nghị đến giáp xã Triệu Thành

IV. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Quang Trung: Đoạn từ hàng rào phía đông chi nhánh điện Thành Cổ đến đường Hai Bà Trưng
2. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Lý Thái Tổ
3. Phố Thành Công: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền
4. Phố Hữu Nghị: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền

V. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Trần Hưng Đạo
2. Lý Thái Tổ: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Ngô Quyền
3. Hoàng Diệu: Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Lý Thái Tổ

VI. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Trần Thị Tâm: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến ga Quảng Trị
2. Lê Hồng Phong: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Trần Hưng Đạo
3. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Phan Đình Phùng
4. Ngô Quyền: Đoạn từ phố Hữu Nghị đến đường Bùi Thị Xuân

5. Nguyễn Trị Phương: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Ngô Quyền

VII. ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Trần Phú: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Phan Chu Trinh
2. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Ngô Quyền
3. Quốc lộ 1A: Đoạn đi qua phường An Đông (Từ chân cầu Ga đến giáp xã Triệu Thượng)

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 4D

1. Phan Bội Châu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến cổng K7
2. Phan Chu Trinh: Đoạn từ bến xe cũ đến đường Phan Thành Chung
3. Đoàn Thị Điểm: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền
4. Lê Quý Đôn: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến hàng rào phía Tây trường Dân tộc nội trú
5. Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến kênh N1
6. Bùi Thị Xuân: Cả đường
7. Lê Thế Tiết: Từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Bà Triệu

IX. ĐƯỜNG LOẠI 4E

1. Nguyễn Thị Lý: Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến kênh N1
2. Nguyễn Trãi: Đoạn từ kênh N1 đến Quốc lộ 1A
3. Trần Quốc Toản: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Quang Trung
4. Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến đường Bà Triệu
5. Bà Triệu: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đến đường Lý Thường Kiệt

X. ĐƯỜNG LOẠI 4F

1. Phan Chu Trinh:
 - Đoạn từ phố Hữu Nghị đến Bến xe cũ;
 - Đoạn từ đường Phan Thành Chung đến giáp xã Hải Lệ.
2. Phan Thành Chung: Đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Lê Lợi
3. Lê Lợi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh N2
4. Thạch Hãn: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến cổng Thái Văn Toản 2
5. Ngô Thị Nhậm: Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Lý Thường Kiệt
6. Trần Bình Trọng: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến giáp xã Hải Quý
7. Nguyễn Thị Lý: Đoạn từ kênh N1 đến cầu Ba Bến

8. Nguyễn Trường Tộ: Đoạn từ đường Trần Bình Trọng đến đường Nguyễn Trãi

XI. CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI

1. Các đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại thì được phân loại như sau:

- Có mặt cắt từ 8 m trở lên thì xếp loại 4f;
- Có mặt cắt từ 5 m đến nhỏ hơn 8 m thì xếp vào vị trí 2 của đường loại 4f;
- Có mặt cắt từ 3 m đến nhỏ hơn 5 m thì xếp vào vị trí 3 đường loại 4f.

2. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

3. Những đường chưa đủ tiêu chuẩn xếp loại, chưa được xếp loại theo phụ lục này thì xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

XII. ĐỐI VỚI CÁC ĐỊA BÀN CÒN LẠI CỦA PHƯỜNG AN ĐÔN VÀ XÃ HẢI LỆ

1. Phường An Đôn

1.1. Phân vùng khu vực thuộc đồng bằng (Khu vực III): Gồm toàn bộ khu vực dân cư nằm phía Đông đường sắt (Cách Quốc lộ 1A từ 200 m trở lên).

1.2. Phân vùng khu vực thuộc trung du (Khu vực III): Gồm toàn bộ khu vực dân cư nằm phía Tây đường sắt

2. Xã Hải Lệ

1.1. Phân vùng khu vực thuộc đồng bằng

- Khu vực II: Gồm toàn bộ thôn Như Lệ
- Khu vực III: Gồm thôn Tích Tường và thôn Tân Mỹ (Khu vực vùng Bắc kênh Nam Thạch Hãn)

1.2. Phân vùng khu vực thuộc trung du (Khu vực III): Gồm thôn Tích Tường và thôn Tân Mỹ (Khu vực vùng Nam kênh Nam Thạch Hãn) và toàn bộ thôn Tân Lệ và thôn Phước Môn.

PHỤ LỤC SỐ 4

PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ CÁC THỊ TRẤN

A. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN KHE SANH

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đường Lê Duẩn: Đoạn từ tượng đài đến giáp cầu Khe Sanh
2. Đường Hùng Vương: Đoạn từ nhà ông Thìn đến giáp đường Lê Lợi
3. Đường Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Ngô Sỹ Liên
4. Đường Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà ông Dũng

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đường Lê Duẩn: Đoạn từ cầu Khe Sanh đến hết khối 4
2. Đường Lê Lợi: Từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Duẩn
3. Đường Hàm Nghi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi
4. Đường Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi
5. Đường 9/7: Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Lê Duẩn
6. Đường Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi
7. Đường Phan Chu Trinh: Từ đường Hùng Vương đến giáp đường Đinh Tiên Hoàng
8. Đường Đinh Tiên Hoàng: Từ đường Lê Duẩn đến giao đường Phan Chu Trinh
9. Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Km số 2 đường HCM
10. Đường Chu Văn An: Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Nguyễn Khuyên
11. Đường Trường Chinh: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết hồ Khe Sanh

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đường Phạm Hùng: Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Hàm Nghi
2. Đường Bùi Thị Xuân: Đoạn từ đường Ngô Sỹ Liên đến giáp đường Hà Huy Tập
3. Đường Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ nhà ông Dũng đến hết nhà ông Mạnh
4. Đường Lê Quang Đạo: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Công ty Cà phê Đường 9

5. Đường Trương Định: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Đình Phùng

6. Đường Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ nhà bà Nga đến hết nhà ông Trung

7. Đường Trần Hữu Dực: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến hết nhà ông Tấn

8. Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ Km số 2 đến giáp xã Hướng Tân

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đường Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà bà Cương

2. Đường Trần Hoàn: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Xí nghiệp Cấp thoát nước Khe Sanh

3. Đường Nguyễn Viết Xuân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà ông Đĩnh

4. Đường Nguyễn Khuyến: Đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến hết nhà ông Tuấn

5. Đường Hà Huy Tập: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà bà Thoi

6. Đường Đào Duy Từ: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Chu Trinh

7. Đường Hùng Vương: Đoạn từ đường Lê Lợi đến hết cầu đi khỏi 7

8. Đường Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường HCM

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đường Phạm Ngũ Lão: Đoạn từ đường Lê Lợi đến hết cầu đi lò gạch cũ

2. Đường Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ nhà bà Hiệp đến hết nhà ông Bút

3. Đường Đinh Tiên Hoàng: Đoạn giao đường Phan Chu Trinh đến giáp cầu đi Pa Nho

4. Đường Nguyễn Đình Chiểu: Từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Chu Trinh

5. Đường Võ Thị Sáu: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi

6. Trần Hữu Thận: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi

7. Đường Đinh Công Tráng: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi

8. Đường Chế Lan Viên: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đường Võ Thị Sáu: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp hồ Tân Độ

2. Đường Văn Cao: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Tính

3. Đường Lê Thánh Tông: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Thạc

4. Đường Trần Hữu Thận: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp hồ Tân Độ

5. Đường Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp nhà bà Tâm

6. Đường Lê Hành: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp nhà ông Giang
7. Đường Đặng Thai Mai: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Hữu Dục
8. Đường Nguyễn Hữu Thọ: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp đường Bùi Dục Tài
9. Đường Đinh Công Tráng: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Ái
10. Đường Nguyễn Thị Định: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Xứ
11. Đường Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà bà Lai
12. Đường Chế Lan Viên: Đoạn từ Đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi
13. Trương Định: Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến giáp hồ Tân Độ

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Đường Trương Công Kinh: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Cao Vân
2. Đường Nguyễn Biểu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp hội trường khóm 4
3. Đường Nguyễn Viết Xuân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Bùi Dục Tài
4. Đường Trần Quang Khải: Từ đường Hồ Chí Minh đến giáp đường Trương Định
5. Đường Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Đào Duy Từ đến giáp nhà ông Hiền
6. Đường Nguyễn Khuyến: Đoạn từ nhà ông Tuấn đến giáp nhà bà Thanh
7. Đường Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Đoàn Khuê
8. Đường Trần Nguyên Hãn: Đoạn từ đường Hùng Vương đến hết nhà ông Lý
9. Đường Nguyễn Văn Linh: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Bùi Thị Xuân

VIII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Đường Hàm Nghi: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Thanh
2. Đường Hồ Sỹ Thản: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà bà Huê
3. Đường Bùi Thị Xuân: Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến giáp đường Hồ Sỹ Thản
4. Nguyễn Khuyến: Đoạn từ nhà bà Thanh đến giáp nhà ông Pay

IX. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

B. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN LAO BẢO

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đường Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu A Trùm đến cửa khẩu Lao Bảo
2. Đường Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Quốc lộ 9
3. Đường Trần Phú: Đoạn nối đường Nguyễn Huệ đến giáp Quốc lộ 9
4. Đường Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp Nhà máy Camel
5. Đường Nguyễn Huệ: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết
6. Đường Trần Mạnh Quỳ: Từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Ngô Quyền
7. Đường Ngô Quyền: Đoạn từ đường Bạch Đằng đến giáp đường Phan Bội Châu
8. Đường Nguyễn Du: Đoạn từ khách sạn Sê Pôn đến giáp Nhà máy Camel
9. Đường Mai Thúc Loan: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp Công ty Cà phê Thái Hòa

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đường Phạm Văn Đồng: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết
2. Các đoạn đường của khu đấu giá đất thuộc Khu Kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đường Lê Thế Tiết: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Nguyễn Huệ
2. Đường Hoàng Diệu: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đường Lê Thế Hiếu: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
2. Đường Nguyễn Tri Phương: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
3. Đường Nguyễn Chí Thanh: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp nghĩa trang Lao Bảo
4. Đường Tôn Đức Thắng: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
5. Đường Kim Đồng: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
6. Đường Huyền Trân Công Chúa: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết
7. Đường Bạch Đằng: Đoạn từ đường Trần Phú đến giáp đường Phan Bội Châu
8. Đường Lê Quý Đôn: Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Hoàng Hoa Thám
9. Đường Phan Bội Châu: Từ đường Bạch Đằng đến giáp đường Lý Thường Kiệt
10. Đường Lê Hồng Phong: Đoạn từ Trạm điện 110Kv đến giáp đường Hoàng Diệu
11. Đường Lê Thế Tiết: Đoạn từ nhà ông Thủ (Đường Nguyễn Huệ) đến hết nhà ông TỰ
12. Đường Lý Thái Tổ: Đoạn từ Công ty Hùng Lương đến giáp đường Lê Hồng Phong
13. Đường Hoàng Hoa Thám: Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Phan Bội Châu

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đường Hữu Nghị: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết
2. Đường Cu Bai: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
3. Đường Cao Thắng: Đoạn từ đường Kim Đồng đến giáp đường Ngô Gia Tự

4. Đường Nguyễn Trường Tộ: Đoạn từ nhà ông Tiệp đến giáp đường Hải Thượng Lãn Ông

5. Đường Hoàng Hoa Thám: Từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Thạch Hãn

6. Đường Đội Cung: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp nhà ông Tiết

7. Đường Nguyễn Gia Thiều: Đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến giáp đường Lý Thái Tổ

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đường Huỳnh Thúc Kháng: Từ đường Hữu Nghị đến giáp đường Nguyễn Huệ

2. Đường Hải Thượng Lãn Ông: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp chùa Phước Bảo

3. Đường khóm Trung 9: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp nhà ông Hào

4. Đoạn đường từ chợ cũ đi công viên Lao Bảo (02 đường): Đoạn từ đường Huyền Trân Công Chúa; từ nhà ông Sanh đến giáp đường Phạm Văn Đồng

5. Đường Phan Đăng Lưu: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Thạch Hãn

6. Đường Lê Chưởng: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai

7. Đường Nguyễn Thị Minh Khai: Từ đường Quốc lộ 9 đến ngã ba khóm Khe Đá

8. Đường Tô Hữu: Đoạn từ đường Thạch Hãn đến giáp đường Hoàng Hoa Thám

9. Đường Nguyễn Hữu Đồng: Đoạn từ nhà ông Thương đến giáp Trạm bơm

10. Đường Đặng Văn Ngữ: Đoạn từ nhà ông Đệ đến giáp nhà ông Càn

11. Đường Hoàng Hoa Thám: Từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Lê Thế Tiết

12. Đường Lê Lai: Đoạn từ đường Hồ Bá Kiện đến giáp đường Hồng Chương

13. Đường Ngô Gia Tự: Đoạn từ đường nhà ông Tiên đến giáp nhà ông Xuyên

14. Đường Thạch Hãn: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Lê Quý Đôn

15. Đường Trần Quý Cáp: Đoạn từ nhà ông Thanh đến hết Nhà máy nước

16. Đường Ông Ích Khiêm: Đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến giáp đường Hoàng Diệu

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Đường Nguyễn Tự Như: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Thạch Hãn
2. Đoạn đường nội khóm Vĩnh Hoa: Đoạn từ nhà ông Phời đến Trạm bơm
3. Đường Đặng Tất: Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến giáp nhà ông Bảo
4. Đường Thạch Hãn: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp bản Ka Túp
5. Đường Lê Văn Huân: Đoạn từ đường Hoàng Hoa Thám đến giáp đường Phan Đăng Lưu
6. Đường Hồng Chương: Từ đường Hoàng Hoa Thám đến đường Đào Duy Anh
7. Đường Trần Thị Tâm: Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Nguyễn Thị Minh Khai
8. Đường Phan Huy Chú: Đoạn từ nhà ông Xiêm đến giáp nhà ông Bắc
9. Đường Cao Bá Quát: Đoạn từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến hết nhà ông Mông
10. Đường nội khóm Trung 9: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 (Nhà ông Dẫn) đến giáp đường Phạm Văn Đồng
11. Đường Tổ Hữu: Đoạn từ đường Hoàng Hoa Thám đến hết nhà ông Thái

VIII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Đường Hồ Bá Kiện: Đoạn từ nhà ông Huy đến giáp nhà bà Bưởi
2. Đường Nguyễn Bình Khiêm: Từ nhà ông Bắc đến giáp nhà ông Nam (Duy Tân)
3. Đường Phùng Hưng: Đoạn từ nhà ông Cần đến giáp nhà ông Hảo
4. Đường Nguyễn Công Trứ: Đoạn từ nhà ông Bình đến giáp nhà ông Cử
5. Đường Đoàn Bá Thừa: Đoạn từ nhà ông Cẩm đến giáp nhà ông Lộc
6. Đường Đào Duy Anh: Đoạn từ khóm nhà Duy Tân đến giáp nhà ông Định
7. Đường Khóa Bảo: Đoạn từ nhà ông Quyết đến giáp nhà ông Trung
8. Đường Nguyễn Thiện Thuật: Đoạn từ nhà ông Mẫn đến giáp nhà ông Cảnh
9. Đường nội khóm Cao Việt: Đoạn từ nhà ông Lợi đến hết nhà ông Bảo

IX. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:
 - Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
 - Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
 - Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;

- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

C. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN KHÔNG KLANG

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu Z đến cầu K Lu
2. ĐĐT.79: Đoạn từ QL9 đến ĐĐT.77D
3. ĐĐT.80: Đoạn từ QL9 đến ĐĐT.77D
4. Đường tuyến ĐT588A: Đoạn từ QL9 đến cầu San Ruôi

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. ĐĐT.79: Đoạn từ tuyến số 6 đến hết tuyến
2. ĐĐT.77D: Đoạn từ ĐĐT.79 đến tuyến ĐĐT.81
3. ng ĐĐT.80: Đoạn từ ĐĐT.77D đến hết tuyến
4. Đường tuyến ĐĐT.81: Đoạn từ QL9 đến hết tuyến
5. Đường tuyến ĐT588A: Đoạn từ cầu San Ruôi đến Cầu X

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu KLu đến cầu Khe Xôm
2. Quốc lộ 9: Đoạn từ giáp ranh xã Hương Hiệp đến cầu Z
3. Đường tuyến ĐĐT.78: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết tuyến
4. Đường tuyến ĐĐT.77B: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết tuyến
5. Đường tuyến ĐĐT.77: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến tuyến đường ĐĐT.77B
6. Đường tuyến ĐĐT.77D: Đoạn từ tuyến ĐĐT.77B đến tuyến ĐĐT.79
7. Đường tuyến ĐĐT.76: Từ Km40+970 Quốc lộ 9 đến Km0+740 đường ĐT588A

8. Đường tuyến ĐĐT.76B: Đoạn từ tuyến ĐĐT.75 đến tuyến ĐĐT.76

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đường tuyến số 7: Đoạn từ công viên đến suối San Ruôi

2. Đường tuyến ĐĐT.81B: Từ Trung tâm giáo dục thường xuyên đến đường ĐĐT77D.

3. Đường tuyến ĐĐT.77C: Đoạn từ tuyến ĐĐT.76 đến tuyến ĐĐT.79

4. Đường ĐĐT588A: Đoạn từ cầu X đến giáp ranh xã Mò Ó

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Toàn tuyến đường ĐĐT.75.

VI. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

D. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN CAM LỘ

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đoạn đường dọc Quốc lộ 9 qua trung tâm thị trấn: Đoạn từ phía Tây cầu Nghĩa Hy đến Km 14+000 (Phía Tây nhà ông Dương)

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đoạn đường dọc Quốc lộ 9: Đoạn từ phía Tây cầu Tân Trúc đến phía Đông cầu Nghĩa Hy

2. Đoạn đường dọc Quốc lộ 9: Đoạn từ km 14+000 (Nhà ông Dương) đến phía Đông hàng rào nghĩa trang liệt sĩ huyện

3. Đoạn đường Quốc lộ 9 (Mới): Đoạn từ phía Nam cầu Đuôi đến ngã ba đường Quốc lộ 9 (Nhà bà Trâm, khu phố 4 - thị trấn)

4. Các đoạn đường bao quanh chợ trung tâm thị trấn Cam Lộ

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đoạn đường nhánh Hồ Chí Minh: Đoạn từ ngã ba chợ Phiên (Nhà ông Nguyễn) lên khu Chính phủ Cách mạng lâm thời qua thôn An Hưng-Tân Định ra giáp đường Quốc lộ 9 (Ngã tư Cù, nhà ông Vọt)
2. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+600 (Công an huyện) đến giáp phía Nam mố cầu Cam Tuyền
3. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+300 (Cơ quan Huyện ủy) vào khu Chính phủ Cách mạng lâm thời đến giáp đường nội thị thôn Tây Hòa-An Hưng (Hết đoạn đường bê tông nhựa)
4. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 12+600 (Đồn Công An thị trấn) vào Trung tâm Y tế Dự phòng huyện đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh
5. Đoạn đường: Đoạn từ ngã tư Trung tâm Y tế (Nhà bà Nhân) - Sân vận động - Nhà thi đấu thể thao- đến nhà ông Tiến (Khu phố 1, thị trấn)
6. Đoạn đường: Đoạn từ Nhà Văn hóa sinh hoạt cộng đồng (khu phố 2) - phòng Công thương- đến chợ Ngô Đồng (Nhà ông An, khu phố 1, thị trấn)
7. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+800 (Nhà bà Ngân) đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+000 (Trường PTTH Cam Lộ) đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 12+600 (Phòng Tài chính- Kế hoạch) đến giáp phía Bắc cầu số 1 (Nam Hùng, thị trấn)
2. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+200 (Nhà ông Quốc- Mỹ) đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh
3. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+600 (Bưu điện Cam Lộ) chạy theo hướng Tây Nam ra đến Quốc lộ 9 Km 13+800 (Cây xăng- Công ty Xăng dầu Quảng Trị)
4. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+900 (Tịnh xá Ngọc Lộ) đến đường nhánh Hồ Chí Minh ra giáp tuyến đường liên thôn Phước Tuyền - An Hưng
5. Đoạn đường: Đoạn từ nhà Văn hóa sinh hoạt cộng đồng (Khu phố 2) - chùa Thiên Quang đến giáp đường Hồ Chí Minh

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đoạn đường Tỉnh lộ 15 (Cũ): Đoạn từ hàng rào phía Tây (Hội Người mù huyện) đi qua chợ Phiên ra giáp ngã ba đường nhánh Hồ Chí Minh (Nhà ông Nguyễn - khu phố Đông Định)

2. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 12+500 đi qua Trạm xá thị trấn đến đường nhánh Hồ Chí Minh (Nhà ông Còi)

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Đoạn đường liên thôn Tây Hòa - An Hưng - Tân Định: Đoạn từ nhà ông Hiền (Tây Hòa - thị trấn) đến nhà bà Hạnh (Tân Định - Cam Thành)

2. Đoạn đường: Đoạn từ phía Nam cầu số 1 Nam Hùng đến giáp đường WB2 thôn Nam Hùng

3. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 14+300 (Trạm xá Cam Thành cũ) đến giáp tuyến đường liên thôn Tân Định - Phước Tuyền

VIII. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

E. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN GIO LINH

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 2D

1. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ đường vào trường tiểu học Thị trấn Gio Linh đến đường vào Sân vận động.

2. Đường Tỉnh lộ 75 Đông: Từ đường Quốc lộ 1A đến đường Gio Châu-Dốc Miếu

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ đường vào trường tiểu học Thị trấn Gio Linh đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio Phong.

2. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ đường vào Sân vận động đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio Châu.

3. Đường phía Nam chợ Cầu cả đường và đường phía Bắc chợ Cầu cả đường

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến đường vào trường Mầm non Hòa Mi.

2. Đường phía Đông chợ Cầu: Đoạn từ đường 75 đông đến đường vào trường Mầm non Hòa Mi.

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đường tỉnh lộ 75 Đông: Đoạn từ ngã tư giao nhau với đường Gio Châu-Dốc Miếu đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio Mỹ.

2. Đường tỉnh lộ 75 Tây: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio An.

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3e

1. Đường Gio Châu- Dốc Miếu: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường từ Quốc lộ 1A về trường Hòa Mỹ kéo dài.

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4a

1. Đường Gio Châu- Dốc Miếu: Đoạn còn lại

2. Đoạn đường: Từ Quốc lộ 1A về trường Tiểu học thị trấn Gio Linh

3. Đoạn đường ranh giới giữa khu phố 3 và khu phố 4

4. Đoạn đường: Từ đường về đình Hà Thượng đến đường phía Đông chợ Cầu kéo dài

5. Đường phía Đông chợ Cầu kéo dài: Đoạn còn lại

6. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến đường Gio Châu- Dốc Miếu

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4b

1. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến trường Bán công

2. Đoạn đường: Từ Quốc lộ 1A về Lan Đình đến đường Gio Châu- Dốc Miếu

3. Đoạn đường: Từ tường phía Nam Tòa án đến cắt đường 75 Tây (Đi về phía Bắc) đến hết nhà ông Thi khu phố 2

4. Đoạn đường: Từ đường 75 Đông đến đình Hà Thượng

5. Đoạn đường: Từ ngã ba trường Tiểu học thị trấn đến đường Gio Châu-Dốc Miếu

6. Đoạn đường: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A về đình Hà Thượng đến đường Gio Châu - Dốc Miếu + 100m (Đoạn còn lại)

7. Đoạn đường: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A về đường ranh giới giữa khu phố 3, khu phố 4 đến đường Gio Châu- Dốc Miếu + 100m (Đoạn còn lại)

8. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A về trường Mầm non Hòa Mi đến đường Gio Châu- Dốc Miếu + 100m (Đoạn còn lại)

9. Các đoạn đường: Từ đường 75 Đông đến các giếng nước Công ty Cấp thoát nước

10. Đoạn đường: Từ đường 75 Đông đến đường vào Sân vận động

11. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến hết thị trấn Gio Linh theo hướng vào đường sắt Hà Trung

VIII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4c

1. Đoạn đường: Từ đường Gio Châu- Dốc Miếu về Lan Đình

2. 02 đoạn đường: Từ đường Gio Châu- Dốc Miếu đến đình Hà Thượng.

3. Đoạn đường: Từ đường Gio Châu- Dốc Miếu cắt đường 75 Đông vào đình Hà Thượng.

IX. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

G. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN ÁI TỬ

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 1D

1. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ ranh giới phía Bắc giáp xã Triệu Ái đến ranh giới phía Nam giáp xã Triệu Thượng.

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 2B

1. Đường T19 (Song song với Quốc lộ 1A): Cả đường

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đoạn đường: Đoạn từ cơ quan Ủy ban Mặt trận đến giao nhau với đường sắt.

2. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến hết Nông trường Lợn giống

3. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi qua Trung tâm Y tế đến giao đường sắt

4. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi qua Viện Kiểm sát đến giao đường sắt

5. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng Chùa Sắc Tứ

6. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến hàng rào Nhà khách Ủy ban

7. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi Trừ Lầu đến giao đường sắt

8. Đoạn đường: Từ điểm nút giao nhau với đường đi Trừ Lầu đến điểm nút giao nhau với đường đi Nông trường Lợn giống huyện

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đoạn đường ngang qua làng SODI song song với đường ngang qua trường THPT Chu Văn An: Đoạn từ giao nhau với đường ngang qua Trung tâm Y tế đến giao nhau với đường ngang qua Trung tâm Chính trị huyện.

2. Các đoạn đường (Trừ các đường loại 3b) nằm về phía Đông đường ngang qua trường THPT Chu Văn An.

3. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A tại cây xăng ngang qua chợ tạm thị trấn đến Quốc lộ 1A giáp ngân hàng chính sách (Phòng Tư pháp cũ).

4. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A tại Hạt Kiểm lâm đến giao nhau với đường chợ tạm thị trấn Ái Tử.

V. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;

- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

H. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN HẢI LĂNG

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đường Quốc lộ 1A: Cả đoạn trên địa bàn thị trấn Hải Lăng
2. Đường Tỉnh lộ 8A: Cả đoạn trên địa bàn thị trấn Hải Lăng
3. Đường Tỉnh lộ 8B: Cả đoạn trên địa bàn thị trấn Hải Lăng

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đường Ngô Quyền: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B
2. Đường Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B
3. Đường 19/3: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B
4. Đường Trần Phú: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B
5. Đường Thanh Niên: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đường Ngô Quyền: Từ đường 8B đến ranh giới thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ
2. Đường Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường 8B đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ
3. Đường 19/3: Từ đường 8B đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ
4. Đường Trần Phú: Từ đường 8B đến ranh giới thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đường Nguyễn Huệ: Cả đường
2. Đường Mai Văn Toàn: Cả đường
3. Đường Phan Thanh Chung: Cả đường
4. Đường ven hồ đập Thanh: Đoạn từ sau nhà ông Lâm khóm III, thị trấn Hải Lăng đến tiếp giáp đường ngang nối với đường 19/3.
5. Đường 19/3 phía Bắc Tỉnh lộ 8A: Đoạn từ nhà ông Khiết khóm III, thị trấn Hải Lăng đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.

6. Đường song song với đường Tỉnh lộ 8A (Phía Bắc): Đoạn từ phía sau nhà ông Hoàng khóm III, thị trấn Hải Lăng đến đường ven hồ đập Thanh khóm III, thị trấn Hải Lăng (Phía sau Tòa án).

7. Đường Lý Thường Kiệt: Đoạn từ Tỉnh lộ 8A đến cầu Mai Đàn.

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đường Bệnh viện đi Hải Xuân: Từ Tỉnh lộ 8A đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.

2. Đoạn Đường: Từ nhà ông Hiền khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Cường khóm I, thị trấn Hải Lăng.

3. Đoạn Đường: Từ phòng Thống kê Hải Lăng đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.

4. Đường Lý Thường Kiệt: Từ cầu Mai Đàn đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.

5. Đường Nguyễn Ngọc Thuyết: Cả đường

6. Đường Lê Thị Tuyết: Cả đường

7. Đường Tôn Thất Thuyết: Cả đường

8. Đường Trần Thị Tâm: Cả đường

9. Các đoạn đường còn lại (Từ đường 19/3 đến đường ven hồ đập Thanh) trong khu đất ở cán bộ và nhân dân thuộc khóm III, thị trấn Hải Lăng.

VI. Các tuyến đường loại 4a

1. Đường Nguyễn Trãi: Cả đường

VII. Các tuyến đường loại 4b

1. Đoạn Đường: Từ nhà ông Thơ khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà bà Hoàn khóm I, thị trấn Hải Lăng.

2. Các đoạn đường: Từ Tỉnh lộ 8A đến dãy 2 ở khóm I, thị trấn Hải Lăng

3. Đoạn đường: Từ nhà ông Tân khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Thanh khóm I, thị trấn Hải Lăng.

4. Đoạn Đường: Từ nhà ông Lý khóm II, thị trấn Hải Lăng đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.

VIII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Các đoạn đường dãy 2 song song Tỉnh lộ 8A đoạn ở khóm I, thị trấn Hải Lăng

2. Đoạn đường dãy 2: Từ nhà bà Gái khóm II, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Lâm khóm II, thị trấn Hải Lăng.

3. Đoạn đường dãy 2: Từ sau nhà ông Khiết khóm III, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Sáu khóm III, thị trấn Hải Lăng.

IX. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.



K. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN HỒ XÁ

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 1D

1. Đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A): Đoạn từ ngã tư đường (Nhà ông Minh) đến ngã ba rẽ vào cơ quan Mặt trận

2. Đường Hùng Vương: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng bệnh viện Vĩnh Linh

3. Đường Chu Văn An: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng trường THPT

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 2A

1. Đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A): Đoạn từ ngã ba rẽ vào cơ quan Mặt Trận huyện đến giáp ngã ba Châu Thị

2. Đoạn từ nhà ông Tình (VLXD) đến hết cổng phụ phía Nam chợ Hồ Xá I

3. Đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A): Đoạn từ ngã tư rẽ vào Lâm trường đến hết địa giới thị trấn Hồ Xá

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 2B

1. Đường Hai Bà Trưng (Cổng Công an huyện) đến Sân Vận động
2. Đường Trần Phú
3. Đường Trần Hưng Đạo: Từ ngã tư Lâm trường đến giáp đường Hùng Vương
4. Đường Nguyễn Du: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến ngã tư Lâm trường
5. Đường Quang Trung

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 2C

1. Đường Trần Hưng Đạo: Đoạn từ ngã tư Lâm trường đến giáp đường Lý Thánh Tông (Đường vào khóm Vĩnh Bắc)
2. Đường Đinh Tiên Hoàng: Từ Quốc lộ 1A (Nhà máy giấy) đến ngã ba nhà bà Ớn
3. Đường Trần Phú: Đi qua Sân vận động về gặp ngã ba đường Hai Bà Trưng - Trần Phú
4. Đường Nguyễn Du: Đoạn từ ngã tư Lâm trường đến giáp đường Trần Phú

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3A

1. Đường Nguyễn Văn Linh: Đoạn từ cổng bệnh viện đến giáp đường Nguyễn Văn Cừ (ngã tư nhà ông Kiếm)

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3B

1. Đường Nguyễn Văn Cừ: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Quán Vương Cát Trà) đến giáp đường Nguyễn Văn Linh tại ngã tư nhà ông Kiếm
2. Đường Lê Hồng Phong: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Quán sửa xe ông Hòa) đến giáp đường Nguyễn Văn Linh (Ngã tư nhà ông Hùng)
3. Đường Ngô Quyền: Đoạn giáp đường Nguyễn Văn Cừ (Ngã ba nhà ông Thử) đến đường Quang Trung (Ngã ba Đội quản lý đường bộ)

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3C

1. Đường Lê Hữu Trác - Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh (Ngã ba nhà ông Cả) đến giáp điểm cuối đường Lê Hồng Phong (Trạm Thú y cũ)
2. Đường Đinh Tiên Hoàng - Đoạn từ ngã ba nhà bà Ớn đến Cầu Đúc (Về Vĩnh Tú)
3. Đường Nguyễn Văn Linh - Đoạn từ ngã tư nhà ông Kiếm đến giáp đường Lê Hồng Phong (Ngã tư nhà thầy Hùng)
4. Đường Lê Hồng Phong - Đoạn từ ngã tư nhà thầy Hùng đến giáp đường Lê Hữu Trác (Ngã ba thú y cũ)

5. Đường Nguyễn Lương Bằng - Đoạn từ Quốc lộ 1A (Nhà ông Khảm cơ khí) đến giáp đường Cao Bá Quát (Ngã ba Nông trường Bộ)

6. Đường Cao Bá Quát- từ Quốc lộ 1A đến ngã ba Nông trường Bộ

VIII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3D

1. Đường Nguyễn Thị Minh Khai: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Nhà ông Hồng vật liệu) vòng qua Cục Dự trữ ra giáp đường Quang Trung ở ngã tư Huyện đội

2. Đường Phan Huy Chú: Đoạn từ nhà ông Mão thợ mộc đến ngã ba đường vào xây dựng cũ

3. Đường Hoàng Văn Thụ: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Nhà ông Ánh) về giáp địa giới xã Vĩnh Hòa

IX. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3E

1. Đường Lý Thánh Tông: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi Vĩnh Bắc ra gặp đường Đinh Tiên Hoàng

2. Đường Phạm Văn Đồng: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến gặp đường Nguyễn Trãi

3. Đường Tôn Đức Thắng: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến gặp đường Nguyễn Trãi

4. Đường Lê Thế Hiếu: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến nhà ông Ngôn

5. Đường Võ Thị Sáu

X. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

M. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN BẾN QUAN

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3E

1. Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ nhà hàng Huyền Ý đến cầu Bến Quan

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 4A

1. Đường ĐT571: Đoạn từ cầu Hạnh phúc đến chợ Bến Quan

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 4B

1. Đường ĐT571: Đoạn từ chợ Bến Quan đến cầu Khe Cáy
2. Đường ĐT571: Đoạn từ cầu Hạnh phúc đến hết trường tiểu học Quyết Thắng
3. Đường từ đường Hồ Chí Minh (Nhà ông Thông khóm 11 đến giáp ĐT571 - hết nhà Vi Sơn)
4. Đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Quang Châu (Khóm 11)

IV. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

PHỤ LỤC SỐ 5

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN LOẠI XÃ THEO VÙNG, KHU VỰC; PHÂN HẠNG ĐẤT, LOẠI ĐẤT

I. PHÂN LOẠI XÃ THEO VÙNG

1. Huyện Hướng Hóa:

Xã miền núi:

Gồm các xã: Tân Hợp, Tân Liên, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Thuận, Thanh, Hướng Lộc, A Xing, A Túc, A Dơi, Xi, Pa Tầng, Húc, Hướng Tân, Hướng Linh, Hướng Sơn, Hướng Phùng, Hướng Lập, Hướng Việt.

2. Huyện ĐaKrông:

Xã miền núi:

Gồm các xã: Hướng Hiệp, Đakrông, Mò Ó, Triệu Nguyên, Ba Lòng, Hải Phúc, Tà Long, Húc Nghi, Pa Nang, Tà Rụt, A Ngo, A Bung, A Vao.

3. Huyện Cam Lộ

a) Xã miền núi:

Gồm các xã: Cam Chính, Cam Nghĩa, Cam Thành, Cam Tuyền

b) Các xã Trung du gồm:

- Xã Cam An: Thôn Mỹ Hòa, Thôn Xuân Khê
- Xã Cam Thủy: Thôn Tân Xuân, Thôn Thiện Chánh
- Thị trấn Cam Lộ: Thôn Nam Hùng, thôn Nghĩa Hy

c) Các xã đồng bằng, gồm:

- Các xã: Xã Cam Hiếu, xã Cam Thanh
- Xã Cam An: Các thôn còn lại
- Xã Cam Thủy: Các thôn còn lại

4. Huyện Gio Linh

a) Xã miền núi:

Gồm các xã: Linh Thượng, Vĩnh Trường, Hải Thái

b) Các xã Trung du, gồm:

Xã Gio Sơn, xã Gio Hòa, xã Linh Hải, xã Gio An, xã Gio Bình, xã Gio Châu, xã Trung Sơn, xã Gio Phong

c) Các xã đồng bằng, gồm:

Xã Gio Việt, xã Gio Hải, xã Trung Giang, xã Trung Hải, xã Gio Mỹ, xã Gio Thành, xã Gio Mai, xã Gio Quang

5. Huyện Vĩnh Linh

a) Xã miền núi:

Các xã: Vĩnh Ô, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê

b) Các xã đồng bằng, gồm:

Xã Vĩnh Thủy, xã Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Lâm, xã Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Nam, xã Vĩnh Long, xã Vĩnh Tú, xã Vĩnh Chấp, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Thành, xã Vĩnh Hiền, xã Vĩnh Kim, xã Vĩnh Thạch, xã Vĩnh Quang, xã Vĩnh Giang, xã Vĩnh Tân, xã Vĩnh Thái.

6. Huyện Triệu Phong

a) Các xã đồng bằng, gồm:

Xã Triệu Phước, xã Triệu Độ, xã Triệu Thuận, xã Triệu Đại, xã Triệu Hòa, xã Triệu Trung, xã Triệu Tài, xã Triệu Sơn, xã Triệu Trạch, xã Triệu Thành, xã Triệu Đông, xã Triệu Long.

- Xã Triệu Giang: Khu vực phía Đông đường sắt Bắc Nam;
- Xã Triệu Ái: Khu vực phía Đông đường sắt Bắc Nam;
- Xã Triệu Thượng: Khu vực phía Đông đường sắt Bắc Nam.

b) Các xã trung du, gồm:

- Các xã: Xã Triệu An, xã Triệu Lăng, xã Triệu Vân;
- Xã Triệu Giang: Khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam;
- Xã Triệu Ái: Khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam;
- Xã Triệu Thượng: Khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam.

7. Huyện Hải Lăng

a) Các xã trung du gồm:

- Xã Hải An, xã Hải Khê;
- Xã Hải Lệ: Khu vực thôn Tân Mỹ;
- Xã Hải Chánh: Khu vực dân cư thôn Câu Nhi, Văn Phong, Lương Sơn, Tân Trung, Tân Lương, Văn Hiệp, Vực Kè, Xuân Lộc;
- Xã Hải Sơn: Khu vực dân cư thôn Tân Điền đến hết thôn Khe Mương và đội 4, 5 Hợp tác xã Long Điền;
- Xã Hải Trường: Khu dân cư thôn Trường Xuân, Trường Thọ;
- Xã Hải Thọ: Khu vực dân cư thôn Diên Trường, Tân Diên, Đồng Hộ;
- Xã Hải Thiện: Khu vực dân cư thuộc các vùng đất cát trên địa bàn;
- Xã Hải Phú: Khu vực dân cư thôn Phú Hưng và các khu vực còn lại;
- Xã Hải Thượng: Khu vực dân cư khu vực 6 Đại An Khê, khu vực Quếng;
- Xã Hải Quy: Khu vực vùng cát, xóm Rú, Phốc Nông, Dãy sau, vùng Nương hoang, xóm Quả Lò;
- Xã Hải Lâm: Khu vực dân cư thôn Xuân Lâm, Thượng Nguyên, Trường Phước;

- Xã Hải Xuân: Khu dân cư dọc phía Đông đê cát xã Hải Ba; Khu dân cư dọc đường Hải Xuân, Hải Thượng, vùng cát;
- Xã Hải Vĩnh: Khu dân cư thuộc vùng cát;
- Xã Hải Quế: Khu dân cư dọc phía Đông đê vùng cát;
- Xã Hải Dương: Khu dân cư dọc phía Đông đê vùng cát.

b) Các xã đồng bằng, gồm:

Xã Hải Thành, xã Hải Tân, xã Hải Hòa; các vùng còn lại của các xã: Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Trường, Hải Thọ, Hải Thiện, Hải Lệ, Hải Thượng, Hải Quy, Hải Lâm, Hải Ba, Hải Xuân, Hải Vĩnh, Hải Quế, Hải Dương và khu vực dân cư thôn Long Hưng, dọc đường Quốc lộ 1A (Đoạn giáp cầu Trắng thị xã Quảng Trị đến UBND xã Hải Phú), khu vực thị tứ Long Hưng, đường Phú Lệ A, đường Phú Lệ B, khu vực Trun, đường Quốc lộ 1A còn lại trên địa bàn của xã Hải Phú.

8. Huyện đảo Cồn Cỏ (Thuộc xã miền núi và hải đảo)

II. HẠNG ĐẤT

- Đất trồng cây hàng năm có từ hạng 2 đến hạng 6; đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản có 6 hạng;
- Đất trồng cây lâu năm và đất rừng sản xuất có 5 hạng.

III. ĐẤT LÀM MUỐI CÓ 4 VỊ TRÍ

- Vị trí 1: Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung không quá 30m;
- Vị trí 2: Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung từ 30m đến 50m;
- Vị trí 3: Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung từ 50m đến 80m;
- Vị trí 4: Các khu vực đất còn lại.

IV. ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

- Khu vực 1: Vừa tiếp giáp với quốc lộ, tỉnh lộ vừa nằm tại trung tâm xã, cụm xã (Gần UBND xã, trường học, chợ, trạm y tế) hoặc liền kề với khu thương mại du lịch, khu công nghiệp.
 - Khu vực 2: Tiếp giáp với quốc lộ, tỉnh lộ, đường giao thông liên thôn; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã; hoặc tiếp sau phần đất khu vực 1.
- * Phạm vi đất khu vực 1 và khu vực 2 có chiều sâu tối đa 4 vị trí đất, mỗi vị trí là một chủ sử dụng đất nhưng tổng chiều sâu không quá 200m.
- Khu vực 3: Các vị trí còn lại trên địa bàn xã.

V. KHU VỰC ĐẤT TẠI KHU DU LỊCH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU CÔNG NGHIỆP

- Khu vực 1: Thuộc địa bàn thị xã Đông Hà
- Khu vực 2: Gồm các huyện: Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, thị xã Quảng Trị (Trừ các xã miền núi)
- Khu vực 3: Gồm huyện Hướng Hóa, huyện Đakrông, huyện đảo Cồn Cỏ và các xã miền núi của các huyện khác trong tỉnh.

VI. GIAO UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

1. Quy định khu vực, xác định vị trí đất trên địa bàn huyện, thị xã cho từng loại đất tại các bảng giá số 5, 6, 7 và 10 thuộc Phụ lục số 1 đính kèm Quyết định này.
2. Phân hạng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (Tại các bảng giá số 1, 2, 3 và 4) theo phân hạng của bộ thuế nông nghiệp năm 2004 và các nguyên tắc quy định tại Nghị định số 73/CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ về Quy định chi tiết phân hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp.
3. Hàng năm tổ chức điều tra giá đất trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố. Trước ngày 01/9 hàng năm gửi báo cáo kết quả điều tra giá đất và phân loại đường phố đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, xây dựng phương án giá đất và phân loại đường phố thị xã, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh trình UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./.